TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 17/6/2019
***V/v:* " Xin ly hôn, nuôi con ".**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thành Tựu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/Ông Nguyễn Thanh Bình

2/Bà Nguyễn Thị Thanh Loan

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trí, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long không dự phiên tòa:

Ngày 17 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long. Tòa án nhân dân huyện Bình Tân tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 13/2019/TLST-HNGĐ, ngày 28/01/2019 về việc "Xin ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 2/5/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị MT, sinh năm 1986
  ĐKHKTT: Ấp DC, xã LAT, huyện TT, tỉnh An Giang.
  Tạm trú: Khóm ĐBA, phường ĐT, thị xã BM, VL.
- Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh N, sinh năm 1982
  ĐKHKTT: Ấp MH, xã NVT, BT, Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và bản khai ngày 12/9/2018 và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị MT trình bày: Vào năm 2003, Tôi và anh N sống chung với nhau, cha mẹ hai bên đồng ý, có tổ chức lễ cưới. Chúng tôi có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LAT và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/12/2004. Nữ trang ngày cưới không có.

Sau khi cưới, vợ chồng chúng tôi về sống bên chồng tại ấp MH, xã NVT, huyện BT, tỉnh VL.

Thời gian đầu, Chúng tôi sống rất hạnh phúc được 13 năm và sinh được 1 con chung tên Nguyễn Thành , sinh ngày 24/6/2009, Hiện cháu đang sống với anh Nhạn.

Trong thời gian chung sống chúng tôi không tạo lập ra tài sản chung, không thiếu nợ ai, cũng không có ai thiếu nợ vợ chồng chúng tôi.

Về mâu thuẫn gia đình: Do vợ chồng thường xuyên cải vả với nhau, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Chúng tôi ly thân với nhau từ tháng 8/2017 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau: Về hôn nhân: Tôi xin được ly hôn với anh Nguyễn Thanh N. Về con chung: Tôi yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Thành Nh, sinh ngày 24/6/2009, tôi không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản: không tranh chấp, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

* Bị đơn anh Nguyễn Thanh N không nộp bản khai ghi ý kiến.

* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị MT trình bày: Do vợ chồng thường xuyên cải vả với nhau, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Chúng tôi ly thân với nhau từ tháng 8/2017 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về hôn nhân: Tôi xin được ly hôn với anh Nguyễn Thanh N.

Về con chung: Tôi yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Thành N, sinh ngày 24/6/2009, tôi không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: không tranh chấp, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo nội dung đơn khởi kiện, bảng tự khai của nguyên đơn cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có sơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Xin ly hôn và nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại xã VT, huyện BT, tỉnh VL và có mặt tại địa phương do đó căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện BT được

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét Trong suốt quá trình giải quyết vụ án từ lúc thụ lý đến khi xét xử: Anh Nguyễn Thanh N cố tình vắng mặt không đến dự tất cả các phiên hòa giải và các phiên tòa xét xử. Do đó căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt anh N.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2003, chị Nguyễn Thị MT và anh Nguyễn Thanh N kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LAT, huyện TT, tỉnh AG, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống thì chị T và anh Nh thường xuyên cải vả với nhau, bất đồng quan điểm sống. Chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân

không đạt được, Do đó chị T xin ly hôn anh N là có căn cứ. Áp dụng vào Điều 9, 51, 53, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của chị T.

[4]Xét về con chung: Chị Nguyễn Thị MT và anh Nguyễn Thanh N sống chung với nhau có 1 con chung tên Nguyễn Thành N, sinh ngày 24/6/2009. Hiện cháu đang sống chung với anh N. Chị T yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy chị T có nguyện vọng nuôi dưỡng và chăm sóc cháu N, để đảm bảo ổn định môi trường sống, học tập và sinh hoạt hàng ngày của cháu N không bị thay đổi cần để cho chị T nuôi dưỡng con chung là phù hợp không trái quy định của pháp luật. Chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện không bị ép buộc. Do đó áp dụng Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của chị T.

Anh Nguyễn Thanh N được quyền tới lui, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Nhưng anh N không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây anh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[5]Về quan hệ tài sản: Chị Nguyễn Thị MT và anh Nguyễn Thanh N không tranh chấp, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quãn lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chị Nguyễn Thị MT nộp 300.000 đồng, chị T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biện lai thu tiền tạm ứng án phí số 0015310 ngày 25/01/2019 do Chi cục thi hành án dân sự huyện BT thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào Điều 9, 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quãn lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị MT.

1/Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị MT được ly hôn anh Nguyễn Thanh N.

2/Về con chung: Chị Nguuyễn Thị MT được nuôi con chung tên Nguyễn Thành N, sinh ngày 24/6/2009. Chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Thanh N được quyền tới lui, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Nhưng anh N không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh N.

3/Về quan hệ tài sản: không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/Về án phí Hôn nhân sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị MT nộp 300.000 đồng, chị T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biện lai thu tiền tạm ứng án phí số 0015310 ngày 25/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện BT thu.

5/Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6/Án xử công khai có mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị MT biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn Nguyễn Thanh N vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, bản sao bản án hoặc niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi thường trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phạm Thành Tựu

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Vĩnh Long;
- VKS Huyện Bình Tân;
- THA huyện Bình Tân;
-UBND xã Lương Trà, huyện Tri Tôn, An Giang;
- các đương sự;
- Lưu.